TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/DSST
Ngày: 16/5/2023
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Chinh.

2/ Ông Nguyễn Văn Quân.

Thư ký phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thùy Dung** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: **Ông Phạm Đức Bùi** - *Kiểm sát viên.*

Ngày 16/5/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 312/2022/TLST-DS ngày 14/12/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-DS ngày 17/4/2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 29/QĐST-DS ngày 05/5/2023 giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Buôn Hồ Đắk Lắk.

Người được ủy quyền lại: Ông Phạm Thanh L, chức vụ: Trưởng Phòng khách hàng 2 Chi nhánh Buôn Hồ Đắk Lắk - Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. (Có mặt).

Địa chỉ: 476 Hùng V, Phường A, thị xã B, tỉnh Đ.

Bị đơn: Ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn Ea N (thôn Đ), xã Đ, huyện K, tỉnh Đ

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Phi Đ. (Có mặt).

2/ Bà Trần Thị X. (Vắng mặt).

3/ Chị Trần Thị T. (Vắng mặt).

4/ Anh Trần Viết T. (Vắng mặt).

5/ Chị Hoàng Thị D. (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn E (thôn Đ), xã Đ, huyện K, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn ông Phạm Thanh L trình bày:

Trong năm 2019, ông Trần Phi H và vợ là bà Đàm Thị H1 có ký kết với TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Đ, phòng giao dịch K (nay là chi nhánh B) để vay tổng số tiền là 1.380.000.000 đồng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 01/2019/729863/HĐTD ngày 09/5/2019, vợ chồng ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H để vay số tiền 720.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,6%/năm, mục đích vay: Chăm sóc cà phê;

- Hợp đồng tín dụng số 02/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019, vợ chồng ông Hoài vay số tiền 360.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,6%/năm, mục đích vay: Chăm sóc cà phê;

- Hợp đồng tín dụng số 03/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019 thì ông H, bà H1 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,9%/năm, mục đích vay: Làm sân, cổng rào, mua tiêu dùng.

Để đảm bảo khoản vay vợ chồng ông H, bà H1 đã ký hợp đồng thế chấp số 01/2015/729863/HĐBĐ ngày 14/4/2015. Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 51.480 m^2 tại thửa đất số 98; tờ bản đồ số 75. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng cho hộ ông Trần Phi Hoài.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, vợ chồng ông H, bà H1 không thực hiện theo đúng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận cho ngân hàng. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng H, bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ số nợ gốc 1.380.000.000 đồng và lãi cho ngân hàng cho đến khi trả xong nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Sau khi trả xong nợ gốc và lãi thì ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đã thế chấp cho ngân hàng. Nếu vi phạm thời hạn trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Bị đơn ông Trần Phi H và bà Đàm Thị H1 trình bày:

Công nhận năm 2019 vợ chồng ông có vay của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Bắc Đ, phòng giao dịch Krông Năng (nay là chi nhánh Buôn Hồ) tổng số tiền là 1.380.000.000 đồng theo 03 hợp đồng tín dụng đúng như ngân hàng trình bày.

Tài sản thế chấp là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất diện tích 51.480 m^2 tại thửa đất số 98; tờ bản đồ số 75. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng cho hộ ông Trần Phi H.

Quá trình vay vốn tại Ngân hàng, ông xác định cả gia đình ông bao gồm cả ba mẹ và các em của ông đều sử dụng chung số tiền vay này, nhưng do làm ăn thất bại nên vợ chồng ông không thực hiện theo đúng thỏa thuận mà hai bên đã ký kết, không trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận. Do đó, ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số nợ gốc 1.380.000.000 đồng và lãi cho ngân hàng cho đến khi trả xong nợ thì vợ chồng ông đồng ý sẽ trả nợ cho ngân hàng sau khi bán được tài sản.

Sau khi vợ chồng ông trả xong nợ gốc và lãi thì ngân hàng sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản đã thế chấp cho ngân hàng. Nếu vi phạm thời hạn trả nợ thì ngân hàng có quyền yêu cầu thi hành án phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo quy định.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

1/ Ông Trần Phi Đ trình bày: Theo phong tục của người dân ở tỉnh Hà Tĩnh, ông còn có tên gọi khác là Trần Phi H là bố đẻ của anh Trần Phi H. Ông xác định không biết vợ chồng anh H thế chấp tài sản là lô đất 51.480 m2 do UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận QSD đất số V 547311 ngày 27/12/2002 mang tên hộ Trần Phi H (cấp cho ông) để vay ngân hàng, gia đình ông cũng không được sử dụng số tiền vay này.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu vợ chồng phải trả số tiền vay là 1.380.000.000 đồng cùng lãi suất theo quy định và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp vợ chồng anh H không trả nợ thì ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định, không có yêu cầu khởi kiện độc lập hay yêu cầu phản tố gì trong vụ án này. Nếu sau này có yêu cầu thì vợ chồng ông sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

2/ Người liên quan bà Trần Thị X tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án bà Xuân trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Trần Phi H. Bà xác định không biết vợ chồng anh H thế chấp tài sản là lô đất 51.480 m2 do UBND huyện Krông Năng cấp giấy chứng nhận QSD đất số V 547311 ngày 27/12/2002 mang tên hộ Trần Phi H (cấp cho vợ chồng bà) để vay ngân hàng, gia đình bà cũng không được sử dụng số tiền vay này. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị H1 phải trả số tiền vay là 1.380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh H, chị H1 không trả nợ thì bà cũng đồng ý trong thời hạn 30 ngày kể sẽ bán đất để trả số nợ này cho anh H. Nếu hết 30 ngày mà không giải quyết được thì sẽ thực hiện quyền khởi kiện anh H, chị H1 để đòi lại tài sản và đề nghị giải quyết hợp đồng thế chấp của anh H, chị H1 với ngân hàng theo quy định.

3/ Người liên quan anh Trần Viết T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án anh Thắng trình bày: Anh là em trai của anh Trần Phi H. Năm 2015 vợ chồng anh quản lý, sử dụng 01 nhà cùng toàn bộ tài sản trên diện tích 20.000 m2 trong lô đất 51.480 m2 của ông Đ, bà X (chỉ cho ở nhưng chưa làm thủ tục tách thửa sang tên). Năm 2019 anh có biết anh H đã dùng giấy chứng nhận QSD đất của ba mẹ (ông Đ, bà X) để vay tiền của ngân hàng. Còn vay bao nhiêu tiền, sử dụng số tiền vay như thế nào thì anh hoàn toàn không biết. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh H, chị H1 phải trả số tiền vay là 1.380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định và xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp anh H, chị H1 không trả nợ thì anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên vì tài sản mà anh H và chị H1 thế chấp để vay ngân hàng không phải là tài sản của anh H, chị H1 mà là tài sản của ba và mẹ anh (ông Đ, bà X).

4/ Người liên quan chị Hoàng Thị D tại phiên tòa hôm nay vắng mặt nhưng quá trình giải quyết vụ án chị D trình bày: Chị là vợ của anh Trần Viết T.

Năm 2015 sau khi cưới nhau thì ba mẹ chồng là Trần Phi Đ, Trần Thị X có cho 01 căn nhà cấp 4 và giao cho vợ chồng chị khoảng 20.000 m2 đất trong lô đất 51.480 m2 của ba mẹ, chưa làm thủ tục tách thửa sang tên. Từ năm 2015 đến nay, vợ chồng

chị vẫn sinh sống ổn định tại ngôi nhà và canh tác phần diện tích đất 20.000 m2 này. Đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng để buộc anh H và chị H1 phải trả số tiền vay là 1.380.000.000 đồng và lãi suất theo quy định. Trường hợp anh H, chị H1 không trả nợ trên thì ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý tài sản đã thế chấp là lô đất diện tích 51. 480 m2 tại thửa đất số 75, tờ bản đồ số 98 tại thôn E, hiện nay là thôn Đ, xã Đ, để thu hồi nợ thì chị nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

5/ *Chị Trần Thị T tại phiên tòa hôm nay vắng mặt.* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị T đều vắng mặt nên Tòa án không thể lấy lời khai và hòa giải theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn ông H, bà H1 phải trả cho nguyên đơn khoản tiền nợ gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Do không có yêu cầu độc lập đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có mặt; bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Phi Đ có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: bà Trần Thị X, chị Trần Thị T, anh Trần Viết T, chị Hoàng Thị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số nợ:

HĐXX xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông H, bà H xác định năm 2019 vợ chồng ông có vay của ngân hàng số tiền 1.380.000.000 đồng theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/729863/HĐTD ngày 09/5/2019 vay 720.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,6%/năm, mục đích vay: Chăm sóc cà phê;

- Theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019 vay tiền 360.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,6%/năm, mục đích vay: Chăm sóc cà phê;

- Theo hợp đồng tín dụng số 03/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019 vay 300.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất vay là 11,9%/năm, mục đích vay: Làm sân, công rào, mua tiêu dùng.

Tài sản thế chấp là để đảm bảo khoản vay là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất có diện tích 51.480 m^2 tại thửa đất số 98; tờ bản đồ số 75. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng

cho hộ ông Trần Phi H. Đến nay đã quá hạn nhưng vợ chồng ông chưa trả nợ gốc và nợ lãi cho ngân hàng như thỏa thuận. Mặc dù giữa Ngân hàng và vợ chồng ông cũng đã tiến hành làm việc với nhau về việc thanh toán nợ hoặc giao tài sản đảm bảo để Ngân hàng xử lý thu hồi nợ nhưng không thống nhất.

Như vậy, khi ký kết hợp đồng vay tài sản, giữa các bên có thỏa thuận với nhau thời gian cụ thể ông H, bà H phải thanh toán tiền vay cho ngân hàng. Đến nay mặc dù ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng phía ông H, bà H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn. Như vậy, ông H, bà h1 đã vi phạm về nghĩa vụ trả nợ của bên vay đối với ngân hàng theo quy định tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng cầu khởi kiện yêu cầu ông H, bà H1 phải có nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay là hoàn toàn phù hợp nên cần chấp nhận, buộc ông H, bà H1 phải liên đới trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc 1.380.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo 03 hợp đồng tín dụng tính đến ngày 16/5/2023 (ngày xét xử) là: 838.187.254 đồng.

Đồng thời buộc ông H, bà H1 phải chịu lãi suất tiếp theo đối với số nợ gốc theo thỏa thuận của 03 hợp đồng kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thanh toán hết toàn bộ nợ cho Ngân hàng.

[4] Về xử lý tài sản thế chấp: Khi vay tiền ông H, bà H1 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng cho hộ ông Trần Phi H theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/729863/HĐBĐ ngày 14/4/2015.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã xác định ông Trần Phi Đ, bà Trần Thị X, chị Trần Thị T, anh Trần Viết T và chị Hoàng Thị D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên không ai có yêu cầu độc lập gì trong vụ án này đối với tài sản thế chấp. Như vậy trong trường hợp ông H, bà H1 không trả được số nợ gốc và lãi suất phát sinh thì Ngân hàng được quyền xử lý tài sản thế chấp của ông H, bà H1 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

[5] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tại phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[6] Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phi Đ, bà Trần Thị X, anh Trần Viết T, chị Hoàng Thị D cho rằng tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng cho hộ ông Trần Phi Hoài là tài sản của ông Trần Phi Đ, bà Trần Thị X nên không đồng ý để ngân hàng xử lý tài sản trong trường hợp anh H, chị H1 không trả được nợ. Tuy nhiên không ai có yêu cầu khởi kiện độc lập trong vụ án này. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét.

Đối với chị Trần Thị T, Tòa án nhân dân huyện Krông Năng đã tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự cho chị T để chị T thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng chị T đều vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Do đó HĐXX không đặt ra xem xét đến quyền và lợi ích hợp pháp của chị T.

[7] Về chi phí tố tụng và án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147, Điều 184; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Luật án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam.

Buộc ông Trần Phi H và bà Đàm Thị H1 phải trả cho ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam tổng số tiền 2.218.187.254 đồng. Trong đó:

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 01/2019/729863/HĐTD ngày 09/5/2019 . Gốc: 720.000.000 đồng; lãi suất đến hết ngày 16/5/2023 là: 432.271.622 đồng;

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 02/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019. Gốc: 360.000.000 đồng; lãi suất đến hết ngày 16/5/2023 là: 217.535.012 đồng.

- Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 03/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019. Gốc: 300.000.000 đồng; lãi suất đến hết ngày 16/5/2023 là: 188.380.620 đồng.

Kể từ ngày 17/5/2023 cho đến khi thi hành án xong, ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quá hạn mà các bên đã thỏa thuận ký kết trong các hợp đồng tín dụng số 01/2019/729863/HĐTD ngày 09/5/2019; hợp đồng tín dụng số 02/2019/729863/HĐTD và hợp đồng tín dụng số 03/2019/729863/HĐTD ngày 27/9/2019.

Sau khi ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 trả hết toàn bộ số nợ cho ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thì ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam trả lại cho ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số V 547311 ngày 27/12/2002 do UBND huyện Krông Năng cho hộ ông Trần Phi H.

[2] Trong trường hợp ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 không trả nợ hoặc trả không hết nợ thì ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam được quyền yêu cầu xử lý tài sản mà ông H, bà H1 đã thế chấp cho Ngân hàng theo hợp đồng thế chấp số 01/2015/729863/HĐBĐ ngày 14/4/2015.

[3] Về chi phí tố tụng: Ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 phải chịu số tiền 3.000.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng sau khi đã thu được của ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1

- Về án phí: Ông Trần Phi H, bà Đàm Thị H1 phải nộp 76.363.745 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam được nhận lại số tiền 36.927.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2021/0022051 ngày 05/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

[4] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quyết định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh ĐăkLăk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ, VP.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang